

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HSPT

Ngày: 04-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

Ông **Lê Thành Tân**

Bà **Nguyễn Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2025/HSPT ngày 22/4/2025 đối với các bị cáo Nguyễn Đình T, Đoàn Ái H, Tạ Thị Minh N. Do có kháng cáo của bị cáo Tạ Thị Minh N và người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị S đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2025/HSST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1991 tại B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện tại: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị B; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Đoàn Ái H**, sinh năm 1961 tại B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Công M (chết) và bà Lê Thị T1 (chết); vợ Trần Thị Kim T2, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1980 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 1989); tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. **Tạ Thị Minh N**, sinh năm 1982 tại B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: số C đường Đ, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ

học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị S; chồng Nguyễn Văn T3, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Ái H: Luật sư Nguyễn Quốc N1 – Luật sư Công ty TNHH H5, thuộc Đoàn luật sư Thành phố C (có mặt).

Bị hại: Tạ Thanh Đ, sinh năm 1975 (chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại Đ: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1949 (có mặt).

Nơi cư trú: Số C, đường Đ, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1994 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Trần Quốc T4, sinh năm 1988 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Võ Công L, sinh năm 1985 (vắng).

Nơi cư trú: Khóm E, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Trần Thanh L1, sinh năm 1977 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1986 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

6. Anh Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1993 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

7. Ông Nguyễn Minh T5, sinh năm 1987 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

8. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

9. Tạ Thị Minh T6, sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: Số C, Khu vực B, phường L, quận B, Thành phố Cần Thơ.

10. Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1984 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

11. Nguyễn Hoàng T7, sinh năm 1987 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1964 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1962 (có mặt).

3. Ông Trần Quang T9, sinh năm 1977 (vắng).

4. Ông Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1978 (vắng).

5. Chị Trần Thanh Kiều D1, sinh năm 1999.
 6. Ông Nguyễn Minh T10, sinh năm 1978 (vắng).
 7. Bà Trần Thanh H4, sinh năm 1979 (vắng).
 8. Bà Nguyễn Thanh T11, sinh năm 1984 (vắng).
 9. Ông Nguyễn Khắc V, sinh năm 1979 (vắng).
 10. Bà Lê Thị T12, sinh năm 1954 (vắng).
 11. Bà Nguyễn Thị Phương T13, sinh năm 1982 (vắng).
- Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.
12. Bà Đoàn Kim L3, sinh năm 1970 (vắng).
 13. Ông Trần Văn Ú, sinh năm 1967 (vắng).
- Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.
14. Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh năm 2011 (vắng).
- Người đại diện theo pháp luật của bé Như Ý: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976 (vắng).
- Cùng Nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
15. Nguyễn Kim C1, sinh năm 1957 (vắng).
- Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.
16. Nguyễn Lê Gia B2, sinh năm 2012 (vắng).
- Người đại diện theo pháp luật của bé Gia B2: Ông Nguyễn Hồng Đ2 (vắng).
- Nơi cư trú: Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 17/02/2021, bà Lê Thị T12 đi qua nhà con gái là Trần Thanh H4 chơi (nhà bà Tư cách nhà của bà H4 một con rạch). Bà T12 nói với H4 là bên nhà bà T12 có trái đậu rồng hái sẵn. H4 kêu con gái là Trần Thanh Kiều D1 đi qua nhà của bà T12 để lấy trái đậu rồng về ăn. Khi D1 và bà T12 đi ra khỏi nhà thì bà H4 nhìn thấy Tạ Thanh Đ là người cùng xóm (Đ là người nghiện rượu) đi theo phía sau D1. Do bà H4 có nghe nhiều người trong xóm nói thời gian gần đây khi Đ thấy phụ nữ thì thường hay nhìn chằm chằm và đi theo, bà H4 lo sợ Đ sẽ có hành vi xấu với D1 nên bà H4 liền đi theo phía sau Đ. Khi đến cầu H, thuộc ấp T, xã T, bà H4 thấy Đ đi gần tới D1 thì Đ đưa 02 tay ra về phía trước, bà H4 nghĩ Đ sẽ ôm D1 nên la lên: “Ê, ông kia làm gì vậy”. Đ nghe tiếng la thì rút tay lại rồi Đ bỏ đi (tay của Đ không có chạm vào người của D1). Bà H4 về nhà kể lại sự việc cho chồng là ông Trần Thanh L1 biết. Sau đó, ông L1 nhìn qua bên kia bờ con rạch đối diện thì thấy Đ đang đứng bên đó nên nói với Đ: “*mày đừng tới con tao, mày tới số nha mày*”, thì Đ chửi thề lại. Ông

L1 kêu bà H4 gọi điện thoại báo cho gia đình của Đ biết thì bà H4 gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị S (là mẹ của Đ) để nói lại sự việc Đ định ôm D1 cho bà S nghe. Sau đó, bà S kêu con là bị can Tạ Thị Minh N (em ruột của Đ) đi đến nhà của Đ để giải quyết sự việc.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, N đến nhà của bà H4 thì được bà H4 và ông L1 nói lại sự việc của Đ cho N nghe nên N mượn điện thoại của ông L1 gọi báo cho Công an xã T qua số điện thoại 0776364424 là số điện thoại của bị can Đoàn Ái H (thời điểm này H đang là Công an viên xã T) đến để giải quyết vụ việc của Đ, rồi N mượn sợi dây vải của ông L1 dùng để giăng võng (dài khoảng 1,5 mét - đến 02 mét, có bản đẹp rộng khoảng 1,5 cm - 02 cm) đang để trên bộ ngựa tại nhà của ông L1 để nhờ Công an xã trời Điểm lại không cho Đ quậy phá để sáng ngày hôm sau sẽ đưa Đ đi trị bệnh, vì Đ có biểu hiện của người bệnh tâm thần (đã từng được gia đình đưa đi điều trị tại Bệnh viện tâm thần thành phố C nhưng sau đó xin về ở sống một mình).

Sau khi H tiếp nhận thông tin từ N thì H báo cáo lại sự việc cho ông Võ Công L là Trưởng Công an xã T (đang trực lãnh đạo tại cơ quan) biết. Thời điểm này, ca trực tại Công an xã T ngoài H và ông L thì còn có 03 người trong lực lượng Công an gồm: Trung úy Nguyễn Tấn Đ1 – Cán bộ, Nguyễn Đình T – Công an viên phụ trách ấp T14 (được điều động tăng cường) và Thượng úy Trần Quốc T4 – Cán bộ. Ông L phân công Hữu và bị can Nguyễn Đình T đến nơi người dân báo tin để xác minh, làm rõ vụ việc của Tạ Thanh Đ, phân công T4 đến nhà của bà H4 ghi lời khai. Còn ông L thì đi đến ấp T, xã T để xác minh thông tin của người dân báo có đối tượng đốt pháo, Đ1 thì trực tại cơ quan.

Sau khi được phân công, H và T cùng đi chung một xe mô tô đến nhà của Tạ Thanh Đ. Lúc này, Đ đang ngồi trên ghế, cạnh cái bàn ở phía trước nhà. Khi N thấy H và T là Công an xã đến, N từ nhà ông L1 cầm sợi dây vải đi qua rồi N đưa sợi dây vải nhờ H trói Đ lại. Sau khi N đưa sợi dây cho H thì T vịn tay Đ để cho H cột trói 02 tay của Đ ra phía sau (trói ở gần vùng cùi chỏ). N đẩy Đ vào trong nhà của Đ và dùng ổ khóa khóa cửa nhốt Đ lại. Lúc này, H nói *“nếu nhốt Điểm trong nhà, đêm khuya Điểm quậy phá la hét ảnh hưởng đến hàng xóm hoặc bị điện giật là không giải quyết”* nên N xin gửi Đ đến Công an xã T để sáng hôm sau sẽ đến đưa anh Đ đi trị bệnh, thì T và H đồng ý. Sau đó, T dẫn Điểm đang trong tình trạng bị trói đi bộ về Công an xã T, còn H chạy xe về Công an xã T trước. Khi dẫn Điểm về đến trụ sở Công an xã T, T cho Đ ngồi trên băng ghế đá rồi T đi vào bên trong trụ sở Công an xã T. Khoảng 05 phút sau, T đi lại chỗ của anh Đ đang ngồi và đứng phía bên trái của anh Đ (T đứng cách anh Đ khoảng 50cm – 60 cm), T và anh Đ cự cãi với nhau. Trong lúc cự cãi, T đã dùng chân phải đang mang giày đá vào vùng hông sườn trái của anh Đ khoảng 04 cái. Khi T đá vào người anh Đ thì có ông Trần Văn H3 là Đội phó

Đội dân phòng xã T đang ngồi trên băng ghế đá (cùng hàng và liền kề với băng ghế đá của Đ đang ngồi), cháu Nguyễn Ngọc Như Ý đang đứng bên ngoài hàng rào Công an xã T và bị can H đang hái rau ở cặp bên hàng rào Công an xã T nhìn thấy. Khi bị can H nhìn thấy T đá vào người anh Đ liền la lên: “Thức, thôi T” thì T dừng lại, T tháo sợi dây đang cột trói tay của Đ ra rồi T dùng sợi dây này tiếp tục cột trói tay chân của anh Đ vào cột bê tông phía trước trụ sở Công an xã T. Sau đó khoảng 20 phút thì N chạy xe đến đi vào trụ sở Công an xã T gặp T và H, N nói với H cho N gửi Đ ở lại Công an xã T để sáng mai Ngọc qua chở Đ đi trị bệnh, thì H đồng ý. Sau khi N đi một lúc thì T phát hiện anh Đ đã ói tại khu vực đang bị trói, nên T mở trói cho anh Đ ra và dời ra phía trước sân trụ sở Công an xã T tiếp tục cột trói tay anh Đ vào cây cột sắt của nhà tiền chế, sau đó T đi dọn dẹp bả ói của Đ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, anh T4 đến nhà bà H4 xác minh xong về trụ Công an xã T thì phát hiện anh Đ đang trong tình trạng sức khỏe có biểu hiện bất thường nên kêu mọi người trong cơ quan ra xem thì Đ đã bất tỉnh. Thấy vậy, T gọi điện thoại kêu xe cấp cứu đến đưa Đ đến Trung tâm y tế thị xã B để cấp cứu, nhưng khi đến Trung tâm y tế thị xã B thì Đ đã tử vong.

* Tại kết luận giám định số 87/KLGD - PC09 ngày 22/02/2021 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: Mẫu máu thu của tử thi Tạ Thanh Đ gửi giám định có tìm thấy thành phần Ethanol (cồn), nồng độ 270mg/100ml máu.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về hoá pháp số: 109/111/143/2021/HP ngày 25/02/2021 của P1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trong mẫu phủ tạng và máu vụ Tạ Thanh Đ (sinh năm: 1975) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V gửi tới giám định ngày 19/02/2021:

- Có tìm thấy E với hàm lượng 229,89 mg trong 100ml máu.
- Không tìm thấy các độc chất khác kể trên.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số: 26/21/MBH ngày 02/3/2021 của Phân viện pháp y tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Não: Xuất huyết trong nhu mô não.
- Tụy: Xuất huyết, tụ máu vỏ bao tụy.
- Gan: Xơ gan mức độ nặng.
- Tim: Thiếu dưỡng cơ tim cấp.
- Phổi: Sung huyết và phù phổi cấp.
- Thận, dạ dày: Sung huyết.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 86/KLGD-PC09 ngày 10/3/2021 của Phòng K Công an tỉnh V (việc khám nghiệm tử thi được tiến hành vào ngày 18/02/2021) kết luận:

1. Các dấu hiệu chính qua giám định:
 - Vỡ tụy kèm tụ máu xung quanh diện rộng.
 - Ứ nhiều máu cục và máu loãng trong ổ bụng khoảng 3000ml.

- Toàn thân da niêm mạc nhợt nhạt.
- Tổ chức dưới da cơ nhợt nhạt.
- Gan xơ cứng teo nhỏ, sần sùi.
- Kết quả cận lâm sàng:
- + Xơ gan mức độ nặng.
- + Có tìm thấy E với hàm lượng 229,89 mg/100ml máu.

2. Kết luận:

- Nguyên nhân chết của Tạ Thanh Đ là do sốc mất máu cấp.
- Cơ chế hình thành tổn thương là do vật tày tác động gây vỡ tụy/Xơ gan mức độ nặng và trong máu có hàm lượng cồn ở mức cao.

* Tại Công văn số 278/PC09-Đ1 ngày 07/4/2021 của Phòng K Công an tỉnh V trả lời:

- Với thể trạng gầy của nạn nhân, việc dùng chân có mang giày đá vào vùng bụng, vùng sườn trái có thể gây ra vỡ tạng bên trong (tụy).
- Thời gian từ khi bị chấn thương gây vỡ tụy đến khi tử vong khoảng 30 phút.

* Tại Công văn số 197/PC09-Đ1 ngày 23/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh V trả lời như sau: Với một người có bệnh lý sơ gan mức độ nặng và trong máu có hàm lượng cồn mức độ cao như Tạ Thanh Đ thì tự mình va đập vào ghế đá, cột sắt thì có khả năng gây ra vỡ tạng (tụy) bên trong.

Tại bản án sơ thẩm số: 29/2025/HSST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Đình T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Bị cáo Đoàn Ái H và Tạ Thị Minh N phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1.1. Đối với bị cáo Nguyễn Đình T.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 08 (tám) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 01 (một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chấp hành chung là 09 (chín) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/5/2024.

1.2. Đối với bị cáo Đoàn Ái Hữu .

Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Ái H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính kể từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án hình sự đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.3. Đối với bị cáo Tạ Thị Minh N

Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Thị Minh N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính kể từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án hình sự đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường A trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 591 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho đại diện bị hại Đ có bà Nguyễn Thị S đại diện nhận số tiền 154.000.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T bồi thường cho bà Tạ Thị Minh T6 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo Đoàn Ái H nộp theo Biên lai thu tiền số 0005927, ngày 20/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh để thi hành cho bà Nguyễn Thị S nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/3/2025, bị cáo Tạ Thị Minh N có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử bị cáo không phạm tội và những người vi phạm pháp luật phải trả lại danh dự cho bị cáo.

Ngày 30/3/2025 bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm cho bà số tiền 150.000.000 đồng, yêu cầu tuyên bị cáo Tạ Thị Minh N không phạm tội và những người vi phạm pháp luật phải trả lại danh dự cho con gái bà là bị cáo Tạ Thị Minh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đình T, Đoàn Ái H đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử, mức án mà cấp sơ thẩm xét xử là tương xứng đối với hành vi của các bị cáo, các bị cáo không có kháng cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại của bà S thì bị cáo T không đồng ý, xin Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo H không có ý kiến vì bị cáo H không có nghĩa vụ phải bồi thường theo yêu cầu của bà S.

Bị cáo N trình bày: Tòa sơ thẩm xử bị cáo đồng phạm tội Bắt giữ người trái pháp luật là oan cho bị cáo. Thực tế vào ngày 17/02/2021 sau khi nghe mẹ bị cáo điện thoại kêu bị cáo đến nhà anh L1 để giải quyết việc anh Đ là anh ruột bị cáo có hành vi sàm sỡ con của anh L1 nên bị cáo có đến nhà anh L1 để giải quyết. Tại nhà anh L1, anh L1 có điện thoại cho Công an xã T và bị cáo có sử dụng điện thoại của anh L1 yêu cầu lực lượng công an đến nhà anh L1 để giải quyết sự việc. Khi lực lượng công an xã đến làm việc thì bị cáo có lấy một sợi dây dù của nhà anh L1 đưa cho bị cáo H để trói anh Đ, sau khi bị cáo Hữu trói anh Đ xong bị cáo có đẩy anh Đ vào nhà và cài chốt khóa cửa bên ngoài. Sau đó, do sợ anh Đ bị trói ở trong nhà một mình anh Đ tiếp tục quậy phá nên bị cáo có nhờ lực lượng công an xã dẫn anh Đ về trụ sở công an để sáng ngày mai lúc 07 giờ 30 phút bị cáo đến đưa anh Đ đi điều trị bệnh. Bị cáo không có bắt, giữ anh Đ3 nên bị cáo không phạm tội Bắt giữ người trái pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại, bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần cho bà với số tiền là 150.000.000 đồng và bà yêu cầu tòa xử bị cáo N không phạm tội bắt giữ người trái pháp luật.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N và người đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Thị Minh N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội Bắt, giữ người trái pháp luật.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 591 của Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho đại diện bị hại Đ có bà Nguyễn Thị S đại diện nhận số tiền 154.000.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu đồng).

Người bào chữa cho bị cáo H không có ý kiến phát biểu.

Kiểm sát viên và bị cáo, đại diện bị hại phát biểu tranh luận, sau cùng các bên vẫn bảo lưu ý kiến.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: bị cáo N trình bày bị cáo bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Tạ Thị Minh N và người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị S đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N và bà S giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trên cơ sở từ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 19 giờ ngày 17/02/2021, bị cáo Tạ Thị Minh N sau khi được gia đình cho hay anh của bị cáo N là Tạ Thanh Đ có hành vi biểu hiện dự định ôm Trần Thanh Kiều D1, sinh năm: 1999 là con của bà Trần Thanh H4 và Trần Thanh L1 (ở cùng xóm với Đ) nên N đi đến nhà bà H4 để giải quyết vụ việc. Sau đó, N gọi điện báo cho Công an xã T thông qua số điện thoại của bị cáo Đoàn Ái H (là Công an viên xã T) đến để giải quyết vụ việc. Khi N thấy H và bị cáo Nguyễn Đình T được phân công đến nhà Đ thì N đưa sợi dây (loại dây vải dùng để giăng võng tại nhà anh L1) cho H nhờ trói Diễm thì T vịn tay Đ để cho H cột trói 02 tay của Đ lại. Trói Diễm xong thì bị cáo Ngọc đẩy Đ4 vào trong nhà khóa cửa nhốt Đ4 lại. Sau đó, vì sợ Đ4 bị trói trong nhà một mình nguy hiểm đến tính mạng nên cả ba bị cáo N, H và T thống nhất đưa Đ4 về trụ sở Công an xã T để trói và giữ lại tại đây. Tại trụ sở Công an xã bị cáo N nói với bị cáo H cho gọi anh Đ4 lại tại công an để sáng mai bị cáo N đến đưa anh Đ4 đi điều trị bệnh. Sau khi đưa Đ4 về trụ sở Công an xã T, T cho Đ4 ngồi trên băng ghế đá, khoảng 05 phút sau thì cự cãi với Đ4. Trong lúc cự cãi với Đ4 thì T dùng chân phải đang mang giày đá vào vùng hông sườn trái của Đ4 khoảng 04 cái. Sau khi đá Diễm xong, T cột trói tay và chân của Đ4 vào cột bê tông phía trước trụ sở Công an xã. Khi thấy Đ4 bị ới thì T đem Diễm ra phía trước sân trụ sở Công an xã cột trói tay Đ4 vào cây cột sắt của nhà tiền chế. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, anh Trần Quốc T4 đi xác minh vụ việc của Đ4 về đến Công an xã thì thấy Đ4 đã bất tỉnh nên truy hô lên. Diễm được đưa đến Trung tâm y tế thị xã B để cấp cứu, nhưng Đ4 đã tử vong trước khi đến Trung tâm y tế thị xã B.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 86/KLGD-PC09 ngày 10/3/2021 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: Nguyên nhân chết của Tạ

Thanh Đ là do sốc mất máu cấp. Cơ chế hình thành tổn thương là do vật tày tác động gây vỡ tuy/Xơ gan mức độ nặng và trong máu có hàm lượng cồn ở mức cao.

Quá trình điều tra xác định được nguyên nhân của việc bị tác động gây vỡ tạng (tụy) là do T dùng chân phải có mang giày đá vào vùng hông sườn trái của anh Đ lúc anh Đ bị trói tay và ngồi trên băng ghế đá.

Do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đình T phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, và các bị cáo Nguyễn Đình T, Đoàn Ái H, Tạ Thị Minh N cùng phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, quyền tự do thân thể, tự do cá nhân là những quyền bất khả xâm phạm của mỗi công dân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ.

Xét kháng cáo của bị cáo Tạ Thị Minh N và kháng cáo của bà Nguyễn Thị S yêu cầu tuyên bị cáo N vô tội là không có căn cứ, bởi lẽ: bị cáo N là người trực tiếp đưa dây cho bị cáo Hữu cột trói anh Đ, bị cáo cũng đề nghị gửi anh Đ qua đêm tại trụ sở công an xã và hẹn đến sáng hôm sau lúc 07 giờ 30 phút đến rước anh Đ đi điều trị bệnh, từ đó thể hiện ý chí của bị cáo N mong muốn việc các bị cáo khác giữ anh Đ tại trụ sở công an. Hành vi của bị cáo là đồng phạm giúp sức cho các bị cáo khác, xâm phạm đến quyền tự do của người khác. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo N thấp hơn bị cáo H, bị cáo T là đã phân hóa đúng vai trò đồng phạm, tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Xét kháng cáo của bà S yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm cho bà số tiền tổn thất tinh thần bằng 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: số tiền bồi thường mà cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho bà là 154.000.000 đồng, bao gồm tiền tổn thất tinh thần tương ứng 100 tháng lương cơ sở là 149.000.000 đồng và tiền mua đất để chôn cất bị hại là 5.000.000 đồng. Xét mức bồi thường tổn thất tinh thần tương ứng 100 tháng lương cơ sở là phù hợp và tương xứng với những thiệt hại mà bị cáo đã gây ra cho bị hại cũng như gia đình bị hại. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng mức lương cơ sở tại thời điểm xét xử sơ thẩm bằng 1.490.000 đồng/tháng là chưa phù hợp. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm mức lương cơ sở bằng 2.340.000 đồng/tháng nên cần sửa phần bồi thường của án sơ thẩm cho phù hợp. Buộc bị cáo Nguyễn Đình T có nghĩa vụ

bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bà Nguyễn Thị S là 234.000.000 đồng và tiền mua đất để chôn cất bị hại là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 239.000.000 đồng, nên kháng của bà S yêu cầu tăng mức bồi thường tổn thất tinh thần là có căn cứ để chấp nhận một phần.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N và kháng cáo của bà S là có cơ sở chấp nhận một phần như nhận định trên.

[5] Về án phí: Do sửa số tiền bồi thường nên cần sửa số tiền án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo T phải nộp.

Bị cáo N phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Thị Minh N. Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị S. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2025/HSST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long phần trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tạ Thị Minh N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính kể từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án hình sự đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường A trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 585; Điều 591 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho đại diện bị hại Đ có bà Nguyễn Thị S đại diện nhận số tiền 239.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T bồi thường cho bà Tạ Thị Minh T6 số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) do bị cáo Đoàn Ái H nộp theo Biên lai thu tiền số 0005927, ngày 20/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh sẽ được xem xét quá trình thi hành án phân trách nhiệm dân sự cho bà Nguyễn Thị S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d, đ, khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Tạ Thị Minh N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T nộp 11.950.000 đồng (*Mười một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND TXBM: 04;
- CQTHADS TXBM: 01;
- PTTG KVTXBM: 01;
- Trại giam: 01; BC: 03;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã: 03;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Lâm Văn Năm

